Tỉnh: Vĩnh Long

PHỤ LỤC IX: BẢNG GIÁ ĐẤT SẢN XUẤT, KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯƠNG MẠI, DỊCH VỤ TẠI ĐÔ THỊ

(Ban hành kèm theo Quyết định số ……. /2019/QĐ-UBND ngày ……/……./2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long)

Đơn vị tính: 1000 đồng/m²

TT	Tên đường và đơn vị hành chính	Đoạn đường /Khu vực		Loại đô thị	Giá đất							
		Từ	Đến		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5	Vị trí 6	Vị trí 7	Vị trí còn lại
1	**THÀNH PHỐ VĨNH LONG**											
1.1	**Phường 1**			**III**								
1	Đường 1 tháng 5	giáp đường Phan Bội Châu	ngã 3 Hoàng Thái Hiếu		15.750	4.725	3.938	3.308	3.150	2.756	2.205	-
2	Đường Hùng Vương	ngã tư đường Chi Lăng	đường Hoàng Thái Hiếu		10.500	3.150	2.625	2.205	2.100	1.838	1.470	-
3	Đường Hùng Vương	đường Hoàng Thái Hiếu	giáp đường 2 tháng 9		8.250	2.475	2.063	1.733	1.650	1.444	1.155	-
4	Đường 3 tháng 2	giáp đường Mé sông Chợ	đường Hưng Đạo Vương		15.000	4.500	3.750	3.150	3.000	2.625	2.100	-
5	Đường 3 tháng 2	đường Hưng Đạo Vương	Cầu Lộ		10.500	3.150	2.625	2.205	2.100	1.838	1.470	-
6	Đường Bạch Đằng	giáp đường 1 tháng 5	giáp đường Hùng Vương		13.500	4.050	3.375	2.835	2.700	2.363	1.890	-
7	Đường Nguyễn Huỳnh Đức	giáp đường 3 tháng 2	giáp đường Hoàng Thái Hiếu		10.500	3.150	2.625	2.205	2.100	1.838	1.470	-
8	Đường Mé sông Chợ	khu vực chợ cá	giáp bến Tàu		9.000	2.700	2.250	1.890	1.800	1.575	1.260	-
9	Đường Nguyễn Trãi	giáp đường Nguyễn Công Trứ	giáp đường Chi Lăng		9.750	2.925	2.438	2.048	1.950	1.706	1.365	-
10	Đường Phan Bội Châu	giáp đường 1 tháng 5	giáp đường Tô Thị Huỳnh		10.500	3.150	2.625	2.205	2.100	1.838	1.470	-
11	Đường Tô Thị Huỳnh	giáp Phan Bội Châu	cầu Cái Cá		10.500	3.150	2.625	2.205	2.100	1.838	1.470	-
12	Đường Đoàn Thị Điểm	giáp đường Nguyễn Văn Nhã	giáp đường Hoàng Thái Hiếu		10.500	3.150	2.625	2.205	2.100	1.838	1.470	-
13	Đường Nguyễn Văn Nhã	ngã tư đường Chi Lăng	giáp đường Hưng Đạo Vương		10.500	3.150	2.625	2.205	2.100	1.838	1.470	-
14	Đường Chi Lăng	giáp đường 1 tháng 5	giáp đường Nguyễn Văn Nhã		10.500	3.150	2.625	2.205	2.100	1.838	1.470	-
15	Đường 30 tháng 4	ngã 3 Hoàng Thái Hiếu	Cầu Lầu		13.500	4.050	3.375	2.835	2.700	2.363	1.890	-
16	Đường Hoàng Thái Hiếu	giáp đường 1 tháng 5	giáp đường Lê Văn Tám		10.500	3.150	2.625	2.205	2.100	1.838	1.470	-
17	Đường Lê Văn Tám	giáp đường Tô Thị Huỳnh	giáp đường Hoàng Thái Hiếu		9.750	2.925	2.438	2.048	1.950	1.706	1.365	-
18	Đường Trần Văn Ơn	cầu Lộ xuống quẹo trái	giáp đường Nguyễn Thị Út		6.000	1.800	1.500	1.260	1.200	-	-	-
19	Đường Trần Văn Ơn	giáp đường 3 tháng 2	giáp hông trường Nguyễn Du		3.750	-	-	-	-	-	-	-
20	Đường Trưng Nữ Vương	giáp đường Tô Thị Huỳnh	cầu Phạm Thái Bường		15.000	4.500	3.750	3.150	3.000	2.625	2.100	-
21	Đường Nguyễn Văn Trỗi	giáp đường 30 tháng 4	giáp đường Hùng Vương		8.250	2.475	2.063	1.733	1.650	1.444	1.155	-
22	Đường Nguyễn Việt Hồng	giáp đường 30 tháng 4	giáp đường Lý Thường Kiệt		7.125	2.138	1.781	1.496	1.425	1.247	-	-
23	Đường Lý Thường Kiệt	giáp đường Nguyễn Văn Trỗi	giáp đường 2 tháng 9		9.000	2.700	2.250	1.890	1.800	1.575	1.260	-
24	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	đường 30 tháng 4	giáp đường Võ Thị Sáu		12.000	3.600	3.000	2.520	2.400	2.100	1.680	-
25	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	đường Võ Thị Sáu	đường Nguyễn Du		8.250	2.475	2.063	1.733	1.650	1.444	1.155	-
26	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	hẻm 159 lớn			4.500	1.350	-	-	-	-	-	-
27	Đường Hưng Đạo Vương	giáp đường Tô Thị Huỳnh	cầu Hưng Đạo Vương		12.750	3.825	3.188	2.678	2.550	2.231	1.785	-
28	Đường 2 tháng 9	cầu Thiềng Đức	cầu Mậu Thân		12.750	3.825	3.188	2.678	2.550	2.231	1.785	-
29	Đường Nguyễn Công Trứ	giáp đường 1 tháng 5	giáp đường Nguyễn Trãi		10.500	3.150	2.625	2.205	2.100	1.838	1.470	-
30	Đường Lê Lai	giáp đường Tô Thị Huỳnh	giáp đường Hoàng Thái Hiếu		12.750	3.825	3.188	2.678	2.550	2.231	1.785	-
31	Đường Nguyễn Đình Chiểu	giáp đường Hưng Đạo Vương	giáp đường 19 tháng 8		9.000	2.700	2.250	1.890	1.800	1.575	1.260	-
32	Đường Võ Thị Sáu	giáp đường 3 tháng 2	giáp đường Nguyễn Thị Minh Khai		9.000	2.700	2.250	1.890	1.800	1.575	1.260	-

TT	Tên đường và đơn vị hành chính	Đoạn đường /Khu vực		Loại đô thị	Giá đất							
		Từ	Đến		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5	Vị trí 6	Vị trí 7	Vị trí còn lại
33	Đường Nguyễn Thái Học	giáp đường Nguyễn Thị Minh Khai	giáp đường 2 tháng 9		8.250	2.475	2.063	1.733	1.650	1.444	1.155	-
34	Đường Nguyễn Thị Út	giáp đường Hưng Đạo Vương	giáp đường Trần Văn Ơn		6.750	2.025	1.688	1.418	1.350	1.181	-	-
35	Đường Nguyễn Du	giáp đường Nguyễn Văn Bé	giáp đường 2 tháng 9		3.750	-	-	-	-	-	-	-
36	Đường Nguyễn Văn Bé	giáp đường 19 tháng 8	cầu Kinh Cụt		4.500	1.350	-	-	-	-	-	-
37	Đường 19 tháng 8 (trọn đường)	giáp đường Hoàng Thái Hiếu	giáp đường Nguyễn Thị Minh Khai		7.500	2.250	1.875	1.575	1.500	1.313	-	-
38	Khu nhà ở Tân Thành	Phần còn lại không giáp Đường 30/4			5.625	-	-	-	-	-	-	-
39	Khu nhà ở Tân Thành Ngọc - Thanh Bình	Phần còn lại không giáp đường Hưng Đạo Vương và đường Hoàng Thái Hiếu			5.625	-	-	-	-	-	-	-
40	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại, dịch vụ tại đô thị còn lại của phường 1				-	-	-	-	-	-	-	#####
1.2	**Phường 2**			**III**	-	-	-	-	-	-	-	-
1	Đường Lê Thái Tổ	dốc cầu Lộ	bùng binh		9.750	2.925	2.438	2.048	1.950	1.706	1.365	-
2	Đường Nguyễn Huệ	bùng binh	cầu Tân Hữu		9.750	2.925	2.438	2.048	1.950	1.706	1.365	-
3	Đường Lưu Văn Liệt	Cầu Cái Cá	giáp đường Lê Thái Tổ		7.500	2.250	1.875	1.575	1.500	1.313	1.050	-
4	Đường Xóm Chài	giáp đường bờ kè sông Cổ Chiên	bùng binh		2.700	810	-	-	-	-	-	-
5	Đường Xóm Chài	các hẻm của đường xóm chài			1.200	-	-	-	-	-	-	-
6	Đường Lê Thị Hồng Gấm	giáp đường Lê Thái Tổ	Cầu Ông Địa		3.375	1.013	844	-	-	-	-	-
7	Đường Ngô Quyền	giáp đường Lê Thái Tổ	cầu Ông Địa		3.375	1.013	844	-	-	-	-	-
8	Đường Hoàng Hoa Thám	giáp đường Nguyễn Huệ	cầu Kinh Xáng		2.250	-	-	-	-	-	-	-
9	Đường Hoàng Hoa Thám	cầu Kinh Xáng	cầu Ông Địa		2.250	-	-	-	-	-	-	-
10	Đường Lý Tự Trọng	giáp đường Lê Thái Tổ	giáp đường Lưu Văn Liệt		3.375	1.013	844	-	-	-	-	-
11	Hẻm 71 (cư xá công chức)	Mặt tiền			4.875	1.463	1.219	1.024	975	853	-	-
12	Hẻm 71 (cư xá công chức)	Mặt hậu (giáp Trường Kỹ Thuật 4)			3.375	1.013	844	-	-	-	-	-
13	Đường Phạm Hùng	bùng binh	Cầu Bình Lữ		9.750	2.925	2.438	2.048	1.950	1.706	1.365	-
14	Đường vào khu tái định cư Sân vận động				3.750	1.125	938	788	-	-	-	-
15	Đường vào Trường Nguyễn Trường Tộ				3.750	1.125	938	788	-	-	-	-
16	Đường Võ Văn Kiệt (đường lớn)	giáp đường Nguyễn Huệ	giáp ranh phường 9		6.000	1.800	1.500	1.260	1.200	1.050	840	-
17	Đường bờ kè sông Cổ Chiên	Cầu Cái Cá	giáp ranh phường 9		3.750	1.125	938	788	-	-	-	-
18	Khu nhà ở tập thể Sở Giáo Dục				2.250	-	-	-	-	-	-	-
19	Đường Hoàng Hoa Thám (mới)	Đoạn cầu Kinh Xáng - Cầu ông Địa	giáp đường vào khu tái định cư sân vận động		2.250	-	-	-	-	-	-	-

TT	Tên đường và đơn vị hành chính	Đoạn đường /Khu vực		Loại đô thị	Giá đất							
		Từ	Đến		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5	Vị trí 6	Vị trí 7	Vị trí còn lại
20	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại, dịch vụ tại đô thị còn lại phạm vi phường				-	-	-	-	-	-	-	750
1.3	**Phường 3**			**III**	-	-	-	-	-	-	-	-
1	Đường Phó Cơ Điều	Cầu Vòng	giáp Phường 4		6.750	2.025	1.688	1.418	1.350	1.181	945	-
2	Đường Bờ Kênh	giáp đường Nguyễn Văn Thiệt	giáp đường Phó Cơ Điều		1.950	-	-	-	-	-	-	-
3	Đường Mậu Thân	giáp đường Phó Cơ Điều	giáp Cầu Mậu Thân		4.875	1.463	1.219	1.024	975	853	-	-
4	Đường Kinh Cụt	giáp đường Mậu Thân	giáp cầu kinh Cụt		1.125	-	-	-	-	-	-	-
5	Đường Nguyễn Văn Nhung	giáp đường Phó Cơ Điều	giáp ranh xã Phước Hậu		1.500	-	-	-	-	-	-	-
6	Đường cặp công viên chiến thắng Mậu Thân				2.250	-	-	-	-	-	-	-
7	Đường Nguyễn Văn Thiệt	giáp ranh Phường 4	giáp đường Mậu Thân		4.875	1.463	1.219	1.024	975	853	-	-
8	Đường liên tổ 45-68	giáp đường Nguyễn Văn Thiệt	giáp đường Phó Cơ Điều		1.350	-	-	-	-	-	-	-
9	Đường vào Khu dân cư Phước Thọ	giáp đường Phó Cơ Điều	hết đường nhựa		2.250	-	-	-	-	-	-	-
10	Đường Tổ 45 - 46 - 47 - 48 - 67 Khóm 2	giáp đường liên tổ 45-68	giáp đường Phó Cơ Điều		1.350	-	-	-	-	-	-	-
11	Đường Vườn Ổi, liên Khóm 1, Khóm 3	giáp đường Mậu Thân	giáp Đình Tân Giai		1.350	-	-	-	-	-	-	-
12	Đường dẫn vào Trường Nguyễn Trãi	giáp đường Mậu Thân	giáp khu nhà ở Ngọc Vân		1.500	-	-	-	-	-	-	-
13	Đường dẫn vào Công viên Truyền hình Vĩnh Long	giáp đường Mậu Thân	giáp đường Nguyễn Văn Thiệt		2.250	-	-	-	-	-	-	-
14	Đường từ Quốc lộ 53 đến Đường Võ Văn Kiệt	giáp đường Phó Cơ Điều	hết đường nhựa		2.250	-	-	-	-	-	-	-
15	Khu nhà ở Ngọc Vân				3.375	-	-	-	-	-	-	-
16	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại, dịch vụ tại đô thị còn lại phạm vi phường				-	-	-	-	-	-	-	750
1.4	**Phường 4**			**III**	-	-	-	-	-	-	-	-
1	Đường Phó Cơ Điều	giáp Phường 3	ngã tư Đồng Quê		6.750	2.025	1.688	1.418	1.350	1.181	945	-
2	Quốc lộ 53	ngã tư Đồng Quê	Cầu Ông Me		4.875	1.463	1.219	1.024	975	853	-	-
3	Quốc lộ 57	cầu Chợ Cua	ngã tư Đồng Quê		4.875	1.463	1.219	1.024	975	853	-	-
4	Đường Trần Phú	Cầu Lầu	giáp Quốc lộ 57		5.250	1.575	1.313	1.103	1.050	919	-	-
5	Đường Phạm Thái Bường	Cầu Phạm Thái Bường	ngã tư Đồng Quê		10.500	3.150	2.625	2.205	2.100	1.838	1.470	-
6	Đường Ông Phủ	giáp đường Trần Phú	giáp đường Phạm Thái Bường		3.000	900	-	-	-	-	-	-
7	Đường Lò Rèn	giáp đường Trần Phú (Cầu Lầu)	rạch Cá Trê giáp phường 3		2.250	-	-	-	-	-	-	-
8	Đường Đình Long Hồ	giáp đường Trần Phú (Cầu Chợ Cua)	giáp Quốc Lộ 53 (cầu Ông Me)		1.350	-	-	-	-	-	-	-
9	Đường Nguyễn Văn Thiệt	giáp đường Trần Phú	giáp ranh Phường 3		5.250	1.575	1.313	1.103	1.050	919	-	-
10	Đường Trần Đại Nghĩa	cầu Hưng Đạo Vương	giáp Quốc lộ 57		6.000	1.800	1.500	1.260	1.200	1.050	840	-

TT	Tên đường và đơn vị hành chính	Đoạn đường /Khu vực		Loại đô thị	Giá đất							
		Từ	Đến		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5	Vị trí 6	Vị trí 7	Vị trí còn lại
11	Đường Bờ Kênh	giáp ranh phường 3	giáp đường Phó Cơ Điều		1.950	-	-	-	-	-	-	-
12	Đường Lê Minh Hữu	giáp đường Trần Phú	giáp đường Phạm Thái Bường		3.750	1.125	938	788	-	-	-	-
13	Đường cặp bệnh viện Đa khoa Vĩnh Long	giáp Quốc lộ 57	giáp Quốc lộ 53		1.875	-	-	-	-	-	-	-
14	Đường cặp dự án Vincom Vĩnh Long	giáp đường Phạm Thái Bường	giáp đường Trần Đại Nghĩa		3.375	1.013	844	-	-	-	-	-
15	Đường dẫn vào Công viên Truyền hình Vĩnh Long	giáp Đường Lò Rèn	giáp ranh Phường 3		2.250	-	-	-	-	-	-	-
16	Khu tập thể XN May cũ (bên hông Tòa án Thành Phố)	Kể cả đường dẫn			3.375	-	-	-	-	-	-	-
17	Khu TĐC bờ kè sông Tiền				3.000	-	-	-	-	-	-	-
18	Khu chung cư nhà ở QL1A	đường Phạm Thái Bường P4			3.000	-	-	-	-	-	-	-
19	Khu nhà ở Cty Cổ phần Địa Ốc	đường Phạm Thái Bường P4			3.000	-	-	-	-	-	-	-
20	Khu nhà ở Trung học Y tế				3.000	-	-	-	-	-	-	-
21	Khu nhà ở Sở Xây dựng	đường Trần Phú Phường 4			1.875	-	-	-	-	-	-	-
22	Khu tái định cư phường 4				3.000	-	-	-	-	-	-	-
23	Dự án Vincom Vĩnh Long	Đường Phạm Thái Bường			5.250	-	-	-	-	-	-	-
24	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại, dịch vụ tại đô thị còn lại phạm vi phường				-	-	-	-	-	-	-	750
1.5	**Phường 5**			**III**	-	-	-	-	-	-	-	-
1	Đường 14 tháng 9	cầu Thiềng Đức	cầu Cái Sơn Bé		4.875	1.463	1.219	1.024	975	853	-	-
2	Đường 14 tháng 9	cầu Cái Sơn Bé	giáp ranh Long Hồ		3.750	1.125	938	788	-	-	-	-
3	Đường Nguyễn Chí Thanh	giáp đường Bờ kè sông Cổ Chiên	giáp đường 14 tháng 9		3.375	1.013	844	-	-	-	-	-
4	Đường 8 tháng 3	giáp đường 14 tháng 9	cầu Kè		3.750	1.125	938	788	-	-	-	-
5	Đường 8 tháng 3	cầu Kè	giáp ranh huyện Long Hồ		2.250	-	-	-	-	-	-	-
6	Khu tái định cư Bờ kè	Kể cả đường dẫn			1.950	-	-	-	-	-	-	-
7	Tuyến dân cư Cổ Chiên	Đường lớn			2.625	788	-	-	-	-	-	-
8	Tuyến dân cư Cổ Chiên	Đường nhỏ			2.250	-	-	-	-	-	-	-
9	Đường nhựa hẻm 62	giáp đường Nguyễn Chí Thanh	hết đường nhựa		1.500	-	-	-	-	-	-	-
10	Đường dẫn vào khu HC UBND phường 5	giáp tuyến DC Cổ Chiên đường nhỏ	hết đường nhựa trước cổng UBND phường 5		2.250	-	-	-	-	-	-	-
11	Đường bờ kè sông Cổ Chiên (giai đoạn 1)	Khu vực Khóm 1			1.125	-	-	-	-	-	-	-
12	Đường bờ kè sông Cổ Chiên (giai đoạn 2)	Giáp đường 14 tháng 9	Giáp bờ kè sông Cổ Chiên (giai đoạn 1)		1.500	-	-	-	-	-	-	-
13	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại, dịch vụ tại đô thị còn lại phạm vi phường				-	-	-	-	-	-	-	750
1.6	**Phường 8**			**III**	-	-	-	-	-	-	-	-

TT	Tên đường và đơn vị hành chính	Đoạn đường /Khu vực		Loại đô thị	Giá đất							
		Từ	Đến		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5	Vị trí 6	Vị trí 7	Vị trí còn lại
1	Đường Đinh Tiên Hoàng	cầu Tân Hữu	cầu Đường Chừa		6.750	2.025	1.688	1.418	1.350	1.181	945	-
2	Đường Đinh Tiên Hoàng	cầu Đường Chừa	giáp ranh Long Hồ		4.875	1.463	1.219	1.024	975	853	-	-
3	Đường Nguyễn Huệ	giáp ranh Phường 2	cầu Tân Hữu		9.750	2.925	2.438	2.048	1.950	1.706	1.365	-
4	Đường Phó Cơ Điều	bến xe (giáp QL1A)	cầu Vòng		6.000	1.800	1.500	1.260	1.200	1.050	840	-
5	Đường Phan Văn Đáng	ngã tư bến xe	cầu Vàm		3.375	1.013	844	-	-	-	-	-
6	Đường Nguyễn Trung Trực	trường Tài Chính	đường Phó Cơ Điều		2.625	788	-	-	-	-	-	-
7	Đường Nguyễn Trung Trực	đường Phó Cơ Điều	Nhà máy Capsule		3.750	1.125	938	788	-	-	-	-
8	Đường Nguyễn Trung Trực	Nhà máy Capsule	giáp Hậu Cần của Tỉnh Đội		1.875	-	-	-	-	-	-	-
9	Đường Phạm Hồng Thái	Trọn đường			3.750	1.125	938	788	-	-	-	-
10	Đường Cao Thắng	đường Phó Cơ Điều	giáp ngã ba hết chợ		3.750	1.125	938	788	-	-	-	-
11	Đường Cao Thắng	giáp ngã ba hết chợ	hết đường nhựa		3.000	900	-	-	-	-	-	-
12	Đường Cao Thắng	giáp đường Nguyễn Trung Trực	giáp sông Cầu Vồng		1.500	-	-	-	-	-	-	-
13	Đường Phan Đình Phùng	đường Phó Cơ Điều	giáp Hậu Cần của Tỉnh Đội		1.875	-	-	-	-	-	-	-
14	Đường Nguyễn Đình Chiểu P8	đường Đinh Tiên Hoàng	ngã tư Phan Đình Phùng		2.250	-	-	-	-	-	-	-
15	Đường Nguyễn Văn Lâu	cầu Tân Hữu	cầu Cảng		1.875	-	-	-	-	-	-	-
16	Đường Nguyễn Văn Lâu	cầu Cảng	giáp khu vượt lũ Phường 8		1.350	-	-	-	-	-	-	-
17	Đường Nguyễn Văn Lâu	giáp khu vượt lũ Phường 8	đập rạch Rừng		1.125	-	-	-	-	-	-	-
18	Đường Nguyễn Văn Lâu	đập rạch Rừng	giáp đường Cà Dăm		1.125	-	-	-	-	-	-	-
19	Đường Cà Dăm	cầu Đường Chừa	cầu Cà Dăm		1.125	-	-	-	-	-	-	-
20	Đường Cà Dăm	giáp đường Nguyễn Văn Lâu	giáp ranh xã Tân Hạnh		1.125	-	-	-	-	-	-	-
21	Đường Phường đội (Phường 8)	cầu Đường Chừa	cầu Tám Phụng		1.125	-	-	-	-	-	-	-
22	Đường Tổ 5 khóm 5	giáp ranh xã Tân Hạnh	giáp đường Nguyễn Văn Lâu		1.125	-	-	-	-	-	-	-
23	Đường lộ dân cư (phường 8)	giáp đường Phan Văn Đáng	giáp ngã tư đường dẫn vào khu vượt lũ Phường 8		1.875	-	-	-	-	-	-	-
24	Đường lộ dân cư (phường 8)	giáp ngã tư đường dẫn vào khu vượt lũ Phường 8	Cầu Khóm 3		1.500	-	-	-	-	-	-	-
25	Đường dẫn vào khu vượt lũ Phường 8	giáp đường Đinh Tiên Hoàng	Vòng xoay khu vượt lũ		2.250	-	-	-	-	-	-	-
26	Khu vượt lũ Phường 8				1.875	-	-	-	-	-	-	-
27	Khu nhà ở Hoa Lan				1.875	-	-	-	-	-	-	-
28	Khu nhà ở Hẻm 58				1.500	-	-	-	-	-	-	-
29	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại, dịch vụ tại đô thị còn lại phạm vi phường				-	-	-	-	-	-	-	750
1.7	**Phường 9**			**III**	-	-	-	-	-	-	-	-
1	Đường Phạm Hùng	cầu Bình Lữ	cầu Cái Cam		7.500	2.250	1.875	1.575	1.500	1.313	1.050	-
2	Đường Phan Văn Đáng	giáp đường Phạm Hùng	Cầu Ngã Cại		3.750	1.125	938	788	-	-	-	-
3	Đường Phan Văn Đáng	cầu Ngã Cại	giáp ranh xã Tân Hạnh		3.000	900	-	-	-	-	-	-
4	Đường Võ Văn Kiệt (đường lớn)	giáp ranh phường 2	Ngã ba 2 nhánh rẽ		5.250	1.575	1.313	1.103	1.050	919	-	-
5	Đường Võ Văn Kiệt (2 nhánh rẽ)	Ngã ba 2 nhánh rẽ	giáp đường Phan Văn Đáng		3.750	1.125	938	788	-	-	-	-

TT	Tên đường và đơn vị hành chính	Đoạn đường /Khu vực		Loại đô thị	Giá đất							
		Từ	Đến		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5	Vị trí 6	Vị trí 7	Vị trí còn lại
6	Đường nội bộ khu hành chính tỉnh				3.000	900	-	-	-	-	-	-
7	Đường D8	giáp đường Võ Văn Kiệt	giáp đường Phan Văn Đáng		2.250	-	-	-	-	-	-	-
8	Bờ kè Sông Cổ Chiên	Khu vực Phường 9			2.250	-	-	-	-	-	-	-
9	Đường Tổ 97-100	giáp Đường D8	giáp ranh Phường 8		900	-	-	-	-	-	-	-
10	Khu nhà ở Phường 9	Kể cả đường vào khu tập thể Lương Thực và khu 717			2.250	-	-	-	-	-	-	-
11	Khu chợ Phường 9	Khu vực Chợ			2.625	-	-	-	-	-	-	-
12	Khu dân cư Bộ đội				1.875	-	-	-	-	-	-	-
13	Khu nhà ở Tỉnh Uỷ				2.250	-	-	-	-	-	-	-
14	Khu vượt lũ P9	Kể cả đường dẫn			2.100	-	-	-	-	-	-	-
15	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại, dịch vụ tại đô thị còn lại phạm vi phường				-	-	-	-	-	-	-	750
2	**HUYỆN LONG HỒ**				-	-	-	-	-	-	-	-
2.1	***Thị Trấn Long Hồ***			**V**	-	-	-	-	-	-	-	-
1	Quốc lộ 53	Kho Bạc	cống Đất Méo		1.725	1.121	863	604	-	-	-	-
2	Quốc lộ 53	cầu Ngã Tư	hết Kho Bạc		2.700	1.755	1.350	945	-	-	-	-
3	Quốc lộ 53	cầu Ngã Tư	hết Trung Tâm Văn Hóa		2.925	1.901	1.463	1.024	-	-	-	-
4	Quốc lộ 53	Trung tâm Văn Hóa	nhà ở Ngân Hàng		1.725	1.121	863	604	-	-	-	-
5	Quốc lộ 53	nhà ở Ngân Hàng	giáp ranh Xã Long An		975	634	-	-	-	-	-	-
6	Đường tỉnh 909	Quốc lộ 53	cầu Kinh Mới (trung tâm Y tế Huyện)		1.500	-	-	-	-	-	-	-
7	Đường tỉnh 909	Bến xe	cầu Hòa Tịnh		1.950	-	-	-	-	-	-	-
8	Đường 1 tháng 5				4.875	-	-	-	-	-	-	-
9	Đường Nguyễn Du	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Nguyễn Trãi		3.900	-	-	-	-	-	-	-
10	Trung tâm Chợ Thị Trấn (nhà lồng chợ và các tuyến đường bao quanh nhà lồng chợ)				4.875	3.169	-	-	-	-	-	-
11	Đường 2 tháng 9	giáp Quốc lộ 53	Đường Nguyễn Du		4.875	-	-	-	-	-	-	-
12	Đường 30 tháng 4	giáp Quốc lộ 53	Đường Nguyễn Du		4.875	-	-	-	-	-	-	-
13	Đường Nguyễn Trãi	giáp Quốc lộ 53	hết đường Nguyễn Du		4.875	-	-	-	-	-	-	-
14	Đường Nguyễn Trãi	giáp đường Nguyễn Du	cầu Hòa Tịnh		1.125	-	-	-	-	-	-	-
15	Đường bờ kè thị trấn Long Hồ	từ cầu Hòa Tịnh	cầu Kinh Mới cũ		975	-	-	-	-	-	-	-
16	Đường bờ kè thị trấn Long Hồ	cầu Ngã Tư	tiếp giáp tuyến đường khu dân cư vượt lũ khóm 4		975	-	-	-	-	-	-	-
17	Đường từ cầu Hòa Tịnh- cống Long An	cầu Hòa Tịnh	cống Long An		975	-	-	-	-	-	-	-
18	Đường nội thị	đường Bệnh Viện cũ	cầu Kinh Xáng		600	-	-	-	-	-	-	-
19	Đường nội thị	giáp Quốc lộ 53	cây xăng Hoàng Sơn		750	-	-	-	-	-	-	-
20	Các đường còn lại của Khóm 1 Thị trấn				975	-	-	-	-	-	-	-

TT	Tên đường và đơn vị hành chính	Đoạn đường /Khu vực		Loại đô thị	Giá đất							
		Từ	Đến		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5	Vị trí 6	Vị trí 7	Vị trí còn lại
21	Các đường còn lại của Thị trấn				600	-	-	-	-	-	-	-
22	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại, dịch vụ tại đô thị còn lại của Thị trấn Long Hồ				-	-	-	-	-	-	-	488
3	**HUYỆN MANG THÍT**				-	-	-	-	-	-	-	-
3.1	***Thị trấn Cái Nhum***				-	-	-	-	-	-	-	-
1	Đường Hùng Vương	Cầu số 8	Cầu số 9		1.170	-	-	-	-	-	-	-
2	Đường 3/2	Cầu số 9	giáp đường Nguyễn Trãi		1.650	-	-	-	-	-	-	-
3	Đường 3/2	giáp đường Nguyễn Trãi	cầu Rạch Đôi		1.170	-	-	-	-	-	-	-
4	Đường Nguyễn Huệ	Dốc cầu số 9 (cặp sông Cái Nhum) - sông Mang Thít	giáp khóm 3 (đường bờ kè sông Mang Thít)		1.418	-	-	-	-	-	-	-
5	Đường Phạm Hùng	Vòng xoay dốc cầu số 9	giáp đường Quảng Trọng Hoàng		1.838	-	-	-	-	-	-	-
6	Đường Phạm Hùng	giáp đường Quảng Trọng Hoàng	giáp đường Nguyễn Huệ (hai dãy đối diện nhà lồng chợ Cái Nhum)		2.663	-	-	-	-	-	-	-
7	Trung tâm chợ	giáp đường Phạm Hùng (chợ Bún) - sau chùa Ông	giáp đường Quảng Trọng Hoàng		2.288	-	-	-	-	-	-	-
8	Đường Lê Minh Nhất	Đường Phạm Hùng	Đường Nguyễn Huệ		975	-	-	-	-	-	-	-
9	Đường Quảng Trọng Hoàng	giáp đường Nguyễn Huệ	chợ Nông sản		1.950	-	-	-	-	-	-	-
10	Đường Nguyễn Trãi	Đường Quảng Trọng Hoàng	Đường 3/2		2.325	-	-	-	-	-	-	-
11	Đường Nguyễn Trãi	đường 3/2	giáp ranh xã Chánh Hội		585	-	-	-	-	-	-	-
12	Đường Tỉnh 903 nối dài	giáp ranh xã Chánh Hội	giáp ranh xã An Phước		450	-	-	-	-	-	-	-
13	Đường Lê Lợi	giáp đường Phạm Hùng	giáp đường 3/2 (Bảo hiểm xã hội - đường Nguyễn Trãi)		975	-	-	-	-	-	-	-
14	Đường Trần Hưng Đạo	mé sông Cái Nhum	Bệnh viện Đa Khoa Mang Thít		488	-	-	-	-	-	-	-
15	Đường Trần Hưng Đạo	đường 3/2	Nguyễn Trãi		488	-	-	-	-	-	-	-
16	Đường An Dương Vương	đường 3/2	đường Nguyễn Trãi		488	-	-	-	-	-	-	-
17	Đường Nguyễn Lương Khuê	đường 3/2	đường Nguyễn Trãi		488	-	-	-	-	-	-	-
18	Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa	đường 3/2	đường Nguyễn Trãi		683	-	-	-	-	-	-	-
19	Đường hẻm Quang Mỹ	Khu vực chợ	giáp bờ kè		683	-	-	-	-	-	-	-
20	Đường hẻm nhà thuốc Đông Y cũ	Khu vực chợ			488	-	-	-	-	-	-	-
21	Đường nội thị	đường Quãng Trọng Hoàng	bến phà ngang sông Mang Thít		780	-	-	-	-	-	-	-
22	Đường nội thị	giáp đường 3/2 (cây xăng)	giáp đường Trần Hưng Đạo		488	-	-	-	-	-	-	-
23	Đường nội ô (Khóm 1 - Thị trấn Cái Nhum)	Giáp đường Nguyễn Trãi	Giáp đường Quảng Trọng Hoàng (giáp khu chợ Mới)		975	-	-	-	-	-	-	-
24	Đường 30 tháng 4 (đoạn thuộc Thị trấn Cái Nhum)	đường Hùng Vương	giáp ranh xã Chánh Hội		488	-	-	-	-	-	-	-
25	Đường trường mầm non Thị trấn Cái Nhum	Trường mầm non	đường Quảng Trọng Hoàng (đối diện Phòng Giáo Dục)		488	-	-	-	-	-	-	-

TT	Tên đường và đơn vị hành chính	Đoạn đường /Khu vực		Loại đô thị	Giá đất							
		Từ	Đến		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5	Vị trí 6	Vị trí 7	Vị trí còn lại
26	Các đường trong Tái định cư Khóm 2				698	-	-	-	-	-	-	-
27	Các đường còn lại của Thị Trấn	Khu vực Khóm 1			488	-	-	-	-	-	-	-
28	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại, dịch vụ tại đô thị còn lại của Thị trấn Cái Nhum				-	-	-	-	-	-	-	375
29	Đường tỉnh 907 đoạn qua thị trấn Cái Nhum	Mé Sông Măng Thít	Sông Cái Bát		900	-	-	-	-	-	-	-
30	Đường từ cầu Rạch Đôi đến đập Cây Gáo (đoạn Thị trấn Cái Nhum)	Cầu Rạch Đôi	Đường tỉnh 903 nối dài (Đập Cây Gáo)		413	-	-	-	-	-	-	-
31	Khu nhà ở Khóm 3, thị trấn Cái Nhum	Đươờng 3/2	cuối đường nhựa (2 đoạn)		540	-	-	-	-	-	-	-
32	Dãy nhà đối diện nhà lồng chợ Nông Sản	Đường Quảng Trọng Hoàng	Công ty cổ phần nước và Mội trường		1.350	-	-	-	-	-	-	-
4	**HUYỆN VŨNG LIÊM**				-	-	-	-	-	-	-	-
4.1	***Thị trấn Vũng Liêm***			**V**	-	-	-	-	-	-	-	-
1	Khu vực chợ (Lô C)				3.525	-	-	-	-	-	-	-
2	Khu vực chợ (Lô B)				3.413	-	-	-	-	-	-	-
3	Khu vực chợ (Lô A : Đối diện dãy phố cổ)				2.850	-	-	-	-	-	-	-
4	Khu vực chợ (Lô A : Đối diện Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa)				3.525	-	-	-	-	-	-	-
5	Khu vực chợ (Lô E và dãy phố cổ)				2.850	-	-	-	-	-	-	-
6	Khu vực chợ	đầu dãy phố ngang giáp đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Cầu Công Xi		2.550	-	-	-	-	-	-	-
7	Khu vực chợ	Dãy phố cuối dãy phố cổ cặp sông Vũng Liêm	cầu Hội Đồng Nhâm		1.388	-	-	-	-	-	-	-
8	Quốc lộ 53	thuộc địa phận thị trấn Vũng Liêm			1.163	761	585	-	-	-	-	-
9	Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa	giáp dãy phố ngang đối diện lô A	Giáp NHNN Huyện		4.875	-	-	-	-	-	-	-
10	Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Ngân hàng Nông nghiệp Huyện	ngã Ba An Nhơn		3.413	-	-	-	-	-	-	-
11	Đường tỉnh 907	qua khu tái định cư thị trấn Vũng Liêm			1.463	-	-	-	-	-	-	-
12	Đường tỉnh 907	qua ấp Phong Thới			788	-	-	-	-	-	-	-
13	Đường tỉnh 907	đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa	sông Rạch Trúc		1.463	-	-	-	-	-	-	-
14	Đường tỉnh 907	sông Rạch Trúc	rạch Mai Phốp (trừ cụm dân cư ngập lũ)		1.463	-	-	-	-	-	-	-
15	Đường nội thị	cầu Công Xi	ngã ba Trung Tín		1.163	-	-	-	-	-	-	-
16	Đường nội thị	ngã ba Trung Tín	cầu rạch Mai Phốp		1.163	-	-	-	-	-	-	-

TT	Tên đường và đơn vị hành chính	Đoạn đường /Khu vực		Loại đô thị	Giá đất							
		Từ	Đến		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5	Vị trí 6	Vị trí 7	Vị trí còn lại
17	Đường nội thị	ngã ba Trung Tín	Quốc lộ 53 (lộ Rạch Trúc)		975	-	-	-	-	-	-	-
18	Đường nội thị	Miếu Ông Bổn	cầu HĐ Nhâm		975	-	-	-	-	-	-	-
19	Đường nội thị	đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa	đường số 8		3.413	-	-	-	-	-	-	-
20	Đường nội thị	đường số 8	Khu TĐC (đến đường Phong Thới)		2.400	-	-	-	-	-	-	-
21	Đường nội thị	hẻm Trường Mẫu Giáo	cuối bến xe		975	-	-	-	-	-	-	-
22	Đường nội thị	đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa	cầu Hai Việt		975	-	-	-	-	-	-	-
23	Đường nội thị	cầu Hai Việt	cầu Phong Thới (trừ khu tái định cư)		975	-	-	-	-	-	-	-
24	Đường nội thị	Đường tỉnh 907	khu sơ dừa và kéo dài đến cầu Phong Thới		1.388	-	-	-	-	-	-	-
25	Đường nội thị	lô E chợ Vũng Liêm cặp bờ kè	khu tái định cư		1.388	-	-	-	-	-	-	-
26	Đường nội ô số 1 (khóm 1, Rạch Trúc)				975	-	-	-	-	-	-	-
27	Đường nội ô số 2 (khóm 1, Rạch Trúc)				975	-	-	-	-	-	-	-
28	Đường nội ô số 3, 4 (khóm 1, Rạch Trúc)				975	-	-	-	-	-	-	-
29	Đường số 1 (Khóm 2, Phong Thới)				975	-	-	-	-	-	-	-
30	Đường số 2 (Khóm 2, Phong Thới)				975	-	-	-	-	-	-	-
31	Đường số 3 (Khóm 2, Phong Thới)	đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa	đường Phong Thới		825	-	-	-	-	-	-	-
32	Đường Thế Hanh (Rạch Trúc)	giáp Quốc lộ 53	giáp cầu Trung Hiệp		750	-	-	-	-	-	-	-
33	Đường vào đến nhà máy nước	giáp Đường tỉnh 907	nhà máy nước		975	-	-	-	-	-	-	-
34	Các đường còn lại của khu tái định cư (ấp Phong Thới)				975	-	-	-	-	-	-	-
35	Cụm dân cư vùng ngập lũ (Lô A1)				1.650	-	-	-	-	-	-	-
36	Cụm dân cư vùng ngập lũ (Lô A2)				1.650	-	-	-	-	-	-	-
37	Cụm dân cư vùng ngập lũ (Lô A3)				1.388	-	-	-	-	-	-	-
38	Cụm dân cư vùng ngập lũ (Lô A4)				1.463	-	-	-	-	-	-	-
39	Cụm dân cư vùng ngập lũ (Lô B1)				1.575	-	-	-	-	-	-	-
40	Cụm dân cư vùng ngập lũ (Lô B3)				1.388	-	-	-	-	-	-	-
41	Cụm dân cư vùng ngập lũ (Lô D1)				1.388	-	-	-	-	-	-	-
42	Cụm dân cư vùng ngập lũ (Lô D2)				1.388	-	-	-	-	-	-	-
43	Cụm dân cư vùng ngập lũ (Lô H1)				1.650	-	-	-	-	-	-	-
44	Cụm dân cư vùng ngập lũ (Lô H2)				1.388	-	-	-	-	-	-	-
45	Các đường còn lại của Cụm dân cư vùng ngập lũ				1.388	-	-	-	-	-	-	-
46	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại, dịch vụ tại đô thị của các đường còn lại				788	-	-	-	-	-	-	-

TT	Tên đường và đơn vị hành chính	Đoạn đường /Khu vực		Loại đô thị	Giá đất							
		Từ	Đến		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5	Vị trí 6	Vị trí 7	Vị trí còn lại
47	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại, dịch vụ tại đô thị còn lại của Thị trấn Vũng Liêm				-	-	-	-	-	-	-	450
5	**HUYỆN TAM BÌNH**				-	-	-	-	-	-	-	-
5.1	***Thị trấn Tam Bình***			**V**	-	-	-	-	-	-	-	-
1	Đường Lưu Văn Liệt	Phía trên bờ: từ bến đò II	hết UBND Huyện		750	-	-	-	-	-	-	-
2	Đường Lưu Văn Liệt	Phía bờ sông: từ bến đò II	hết UBND Huyện		375	-	-	-	-	-	-	-
3	Đường Lưu Văn Liệt	Phía trên bờ: từ UBND Huyện	bến đò qua Nhà thờ		1.875	-	-	-	-	-	-	-
4	Đường Lưu Văn Liệt	Phía bờ sông: từ UBND Huyện	bến đò qua Nhà thờ		1.125	-	-	-	-	-	-	-
5	Đường Nguyễn Thị Ngọt	Đường Lưu Văn Liệt	Đường Phan Văn Đáng		2.625	-	-	-	-	-	-	-
6	Đường Đồng Khởi				900	-	-	-	-	-	-	-
7	Đường Thống Nhất				675	-	-	-	-	-	-	-
8	Đường Phan Văn Đáng	Đường Nguyễn Thị Ngọt	Đường Trần Văn Bảy		2.625	-	-	-	-	-	-	-
9	Hai dãy phố chợ	Đường Lưu Văn Liệt	Đường Phan Văn Đáng		2.250	-	-	-	-	-	-	-
10	Hai dãy phố cửa hàng bách hoá cũ				1.425	-	-	-	-	-	-	-
11	Đường Lưu Văn Liệt	Bến đò Nhà Thờ	Đường Phan Văn Đáng		2.625	-	-	-	-	-	-	-
12	Đường Trần Văn Bảy	Đường Lưu Văn Liệt	Cầu Mỹ Phú		2.100	-	-	-	-	-	-	-
13	Đường Lưu Văn Liệt	Từ bến đò II	Cầu Hàn		375	-	-	-	-	-	-	-
14	Đường Nguyễn Văn Ngợi	Đường Võ Tuấn Đức	Đường Trần Văn Bảy		600	-	-	-	-	-	-	-
15	Đường Nguyễn Văn Ngợi	Đường Trần Văn Bảy	Cầu Hàn		450	-	-	-	-	-	-	-
16	Đường nhựa Tổ 11-12-13	Đường Phan Văn Đáng	Đường Nguyễn Văn Ngợi		390	-	-	-	-	-	-	-
17	Đường nhựa ngang Trạm Y tế	Đường Lưu Văn Liệt	Đường Phan Văn Đáng		750	-	-	-	-	-	-	-
18	Đường Nguyễn Thị Ngọt	Đường Phan Văn Đáng	hết ranh Trung tâm Văn hóa, thể thao huyện		1.500	-	-	-	-	-	-	-
19	Đường nội ô Khu tái định cư vùng ngập lũ khóm 3				1.650	-	-	-	-	-	-	-
20	Đường Phan Văn Đáng	Đường Nguyễn Thị Ngọt	Cầu 3/2		2.700	-	-	-	-	-	-	-
21	Đường Võ Tuấn Đức	Đường Phan Văn Đáng	Cầu Võ Tuấn Đức		2.025	-	-	-	-	-	-	-
22	Các đường còn lại của Khóm 1				525	-	-	-	-	-	-	-
23	Các đường còn lại của Thị trấn				375	-	-	-	-	-	-	-
24	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại, dịch vụ tại đô thị còn lại của Thị trấn Tam Bình				-	-	-	-	-	-	-	338
6	**HUYỆN TRÀ ÔN**				-	-	-	-	-	-	-	-
6.1	***Thị trấn Trà Ôn***			**V**	-	-	-	-	-	-	-	-
1	Đường Gia Long	Đường Lê Lợi	Đường Võ Tánh		5.250	-	-	-	-	-	-	-
2	Khu C: Đối diện nhà lồng chợ mới (dãy 52 căn)	-	-		5.625	-	-	-	-	-	-	-
3	Khu C: Đối diện nhà lồng chợ mới (B92 mặt còn lại)	-	-		3.000	-	-	-	-	-	-	-

TT	Tên đường và đơn vị hành chính	Đoạn đường /Khu vực		Loại đô thị	Giá đất							
		Từ	Đến		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5	Vị trí 6	Vị trí 7	Vị trí còn lại
4	Khu bờ kè cũ	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	Chi cục Thuế		3.150	-	-	-	-	-	-	-
5	Đường Lê Lợi	Đường Gia Long	Đường Trưng Trắc		3.600	-	-	-	-	-	-	-
6	Đường Trương Vĩnh Ký	Đường Gia Long	Đường Lê Văn Duyệt		3.600	-	-	-	-	-	-	-
7	Đường Lê Văn Duyệt	Đường Lê Lợi	Đường Phan Thanh Giản		3.150	-	-	-	-	-	-	-
8	Đường Phan Thanh Giản	Đường Gia Long	Đường Thống Chế Điều Bát		3.150	-	-	-	-	-	-	-
9	Đường Thống Chế Điều Bát	Đường Gia Long	Đường Trưng Trắc - Đường Trưng Nhị		1.950	-	-	-	-	-	-	-
10	Đường Thống Chế Điều Bát	Đường Trưng Trắc - Đường Trưng Nhị	Đường 8 tháng 3		1.500	-	-	-	-	-	-	-
11	Đường Trưng Trắc	Đường Lê Lợi	Đường Thống Chế Điều Bát		1.200	-	-	-	-	-	-	-
12	Đường Trưng Nhị	Đường Thống Chế Điều Bát	Đường Đốc Phủ Yên		1.200	-	-	-	-	-	-	-
13	Đường Võ Tánh	Đường Gia Long	Quốc lộ 54		1.200	-	-	-	-	-	-	-
14	Đường Đồ Chiểu	Đường Lê Lợi	Đường Thống Chế Điều Bát		1.875	-	-	-	-	-	-	-
15	Đường Quang Trung	Đường Lê Văn Duyệt	Đường Đồ Chiểu		1.875	-	-	-	-	-	-	-
16	Đường Đốc Phủ Yên	Đường Gia Long	Quốc lộ 54		975	-	-	-	-	-	-	-
17	Đường Đốc Phủ Chỉ	Đường Lê Lợi	Đường Thống Chế Điều Bát		1.875	-	-	-	-	-	-	-
18	Quốc lộ 54	Giáp ranh Tam Bình	Cầu Trà Ôn		563	-	-	-	-	-	-	-
19	Quốc lộ 54	Cầu Trà Ôn	hết ranh thị trấn Trà Ôn		1.500	975	750	525	-	-	-	-
20	Đường Khu 10B	Bến phà	Đường tỉnh 904		825	-	-	-	-	-	-	-
21	Đường Khu 10A (Đường huyện 70)	Đường Trưng Trắc	Đường 8 tháng 3		1.125	-	-	-	-	-	-	-
22	Đường tỉnh 904	Đường Khu 10 B	hết ranh giới Thị trấn		638	-	-	-	-	-	-	-
23	Đường 8 tháng 3	Đường Thống Chế Điều Bát	Đường Khu 10A (Đường huyện 70)		900	-	-	-	-	-	-	-
24	Đường qua Cù Lao Tròn	Đường Gia Long	Đường dal cặp sân chợ		3.150	-	-	-	-	-	-	-
25	Đường Mỹ Phó - Mỹ Hưng	Quốc lộ 54	hết ranh thị trấn Trà Ôn		563	-	-	-	-	-	-	-
26	Đường 30 tháng 4	Đường Thống Chế Điều Bát	Quốc lộ 54		1.500	-	-	-	-	-	-	-
27	Đường vào trường Tiểu học A	Đường Thống Chế Điều Bát	Trường Tiểu học A		1.125	-	-	-	-	-	-	-
28	Đường số 6B	Đường 30 tháng 4	Giáp Sân vận động huyện		750	-	-	-	-	-	-	-
29	Đường số 10	Đường số 6B	Giáp cổng Sân Vận động huyện		563	-	-	-	-	-	-	-
30	Các con hẻm còn lại của Thị trấn	-	-		540	-	-	-	-	-	-	-
31	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại, dịch vụ tại đô thị còn lại của Thị trấn Trà Ôn	-	-		-	-	-	-	-	-	-	488
7	**THỊ XÃ BÌNH MINH**				-	-	-	-	-	-	-	-
7.1	***Phường Cái Vồn***			**IV**	-	-	-	-	-	-	-	-
1	Đường Phan Văn Năm	giáp đường Nguyễn Văn Thảnh (tại UBND phường Cái Vồn)	cầu Rạch Vồn		5.325	1.598	1.331	1.118	1.065	932	746	-
2	Đường Phan Văn Năm	Cầu Rạch Vồn	ngã ba cây me		2.625	788	656	551	525	-	-	-
3	Đường Ngô Quyền	giáp đường Bạch Đằng	đường Nguyễn Văn Thảnh		5.850	1.755	1.463	1.229	1.170	1.024	819	-
4	Đường Ngô Quyền	giáp đường Nguyễn Văn Thảnh	cầu Mỹ Bồn		3.375	1.013	844	709	675	591	-	-
5	Đường Ngô Quyền	đoạn vào chùa Sóc Mỹ Bồn	chùa Sóc Mỹ Bồn		750	-	-	-	-	-	-	-
6	Đường Phạm Ngũ Lão	giáp đường Ngô Quyền	đường Bạch Đằng		3.375	1.013	844	709	675	591	-	-

TT	Tên đường và đơn vị hành chính	Đoạn đường /Khu vực		Loại đô thị	Giá đất							
		Từ	Đến		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5	Vị trí 6	Vị trí 7	Vị trí còn lại
7	Đường Trần Hưng Đạo (khu chùa Bà cặp chợ)				2.400	720	600	-	-	-	-	-
8	Khu dân cư chợ mới (Khu A)				5.325	1.598	1.331	1.118	1.065	932	746	-
9	Khu dân cư chợ mới (Khu B)				4.875	1.463	1.219	1.024	975	854	683	-
10	Khu dân cư chợ mới (Khu C)				3.375	1.013	844	709	675	591	-	-
11	Đường Bạch Đằng	đường Ngô Quyền tại phòng TC - KH cũ	cầu Cái Vồn nhỏ		3.375	1.013	844	709	675	591	-	-
12	Đường Quang Trung	đường Ngô Quyền	đường Bạch Đằng		2.925	878	731	614	585	512	-	-
13	Đường 3 tháng 2	đường Nguyễn Văn Thảnh	hết đường nhựa		5.850	1.755	1.463	1.229	1.170	1.024	819	-
14	Đường Lưu Nhơn Sâm	Cầu Cái Vồn Nhỏ	đường Nguyễn Văn Thảnh		2.400	720	600	-	-	-	-	-
15	Đường Lê Văn Vị	đường Nguyễn Văn Thảnh	sông Tắc Từ Tải		4.500	1.350	1.125	945	900	788	630	-
16	Đường Nguyễn Văn Thảnh	Cầu Cái Vồn Lớn	cầu Cái Dầu		4.500	1.350	1.125	945	900	788	630	-
17	Khu TĐC PMU 1A + PMU 18				1.500	-	-	-	-	-	-	-
18	Đường bê tông khóm 2	(đoạn từ Đường Nguyễn Văn Thảnh (QL54)	Đường 3 tháng 2 (đường trước TT hành chính))		638	-	-	-	-	-	-	-
19	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại, dịch vụ tại đô thị còn lại của phường Cái Vồn				-	-	-	-	-	-	-	510
7.2	***Phường Thành Phước***			**IV**	-	-	-	-	-	-	-	-
1	Quốc lộ 1 (1A cũ)	ngã 3 bùng binh xuống bến phà mới	giáp bến phà cũ đến giáp đường Nguyễn Văn Thảnh		2.250	675	563	-	-	-	-	-
2	Hai dãy phố Chợ Bà (trong nhà lồng chợ)				975	-	-	-	-	-	-	-
3	Đường vào bến xe cũ	giáp đường Nguyễn Văn Thảnh	bến xe cũ		975	-	-	-	-	-	-	-
4	Đường Nguyễn Văn Thảnh	Cầu Bình Minh	Cầu Dầu		4.500	1.350	1.125	945	900	788	630	-
5	Đường Nguyễn Văn Thảnh	Cầu Dầu	ngã ba bùng binh - cầu Thành Lợi		3.750	1.125	938	788	750	656	525	-
6	Đường Phan Văn Quân	giáp đường Nguyễn Văn Thảnh	kênh Hai Quý		2.550	765	638	536	-	-	-	-
7	Đường Huỳnh Văn Đạt	Cầu Thành Lợi	cầu Khóm 5		2.250	675	563	-	-	-	-	-
8	Đường Trung Tâm hành chính nhánh trái	giáp đường Nguyễn Văn Thảnh	đường 2 tháng 9		1.500	-	-	-	-	-	-	-
9	Đường 2 tháng 9	giáp đường Trung Tâm hành chính nhánh trái, Trung Tâm hành chính nhánh phải	đường Huỳnh Văn Đạt		1.500	-	-	-	-	-	-	-
10	Đường Trung Tâm hành chính nhánh phải	giáp đường Nguyễn Văn Thảnh	đường 2 tháng 9		1.125	-	-	-	-	-	-	-
11	Đường vào xí nghiệp xi măng 406	giáp đường Nguyễn Văn Thảnh	xí nghiệp xi măng 406		1.125	-	-	-	-	-	-	-
12	Đường vào xí nghiệp Mê Kông	giáp đường Nguyễn Văn Thảnh	xí nghiệp Mê Kông		1.125	-	-	-	-	-	-	-
13	Chợ Khóm 1, Phường Thành Phước	(bao gồm các đường trong khu dân cư)			3.375	-	-	-	-	-	-	-

TT	Tên đường và đơn vị hành chính	Đoạn đường /Khu vực		Loại đô thị	Giá đất							
		Từ	Đến		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5	Vị trí 6	Vị trí 7	Vị trí còn lại
14	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại, dịch vụ tại đô thị còn lại của phường Thành Phước				-	-	-	-	-	-	-	510
7.3	***Phường Đông Thuận***			**IV**	-	-	-	-	-	-	-	-
1	Đường Gom cặp Quốc lộ 1 (1A cũ)	cầu vượt Quốc lộ 1 (1A cũ)	cầu Đông Bình		975	-	-	-	-	-	-	-
2	Đường Lưu Nhơn Sâm	Cầu Cái Vồn nhỏ	Cầu Phù Ly (Đông Bình)		2.250	675	563	-	-	-	-	-
3	Đường Phù Ly (ĐH.53)	cổng chùa Phù Ly	cầu rạch Trường học		585	-	-	-	-	-	-	-
4	Tái định cư cầu Cần Thơ và tái định cư khu công nghiệp	(trừ các vị trí tính theo đường Lưu Nhơn Sâm đi ngang qua)			1.500	-	-	-	-	-	-	-
5	Tuyến dân cư vùng ngập lũ (tuyến 1)				1.875	-	-	-	-	-	-	-
6	Khu vực chợ phường Đông Thuận				1.609	1.046	-	-	-	-	-	-
7	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại, dịch vụ tại đô thị còn lại của phường Đông Thuận				-	-	-	-	-	-	-	510